

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 6 - 2020.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về tài
sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Tháp

Ông Huỳnh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu,
tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 94/2020/TLST-
HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung khi
ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1969.

Trú tại: số 133/8, Hương Lộ 9, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị Kim A, sinh năm 1972.

Trú tại: số 133/8, Hương Lộ 9, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(ông V, bà A có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên
đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:**

Ông và bà Trịnh Thị Kim A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993
đến năm 1996 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V,
tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 261/1996 ngày 18/9/1996. Trong
quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm sống và do ông có quan hệ với người phụ nữ khác nên bà A ghen tuông dẫn đến thường xuyên cãi nhau khiến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông và bà A đã ly thân từ 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông xin được ly hôn với bà A.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Anh V1, sinh ngày 11/5/1993 và cháu Nguyễn Văn An B, sinh ngày 12/12/2000. Các cháu đã trưởng thành có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ông V yêu cầu Tòa án chia tài sản chung gồm thửa đất số 35 tờ bản đồ số 12 xã T, có diện tích 934m² trên đất có 01 căn nhà cấp 4; và thửa đất số 202, 203 tờ bản đồ số 15 xã T, theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thỏa thuận xong tài sản, nên ông V rút yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Bị đơn bà Trịnh Thị Kim A trình bày ý kiến:***

Bà và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ông V trình bày về mâu thuẫn gia đình là đúng. Nay tại Tòa bà đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Anh V1, sinh ngày 11/5/1993 và cháu Nguyễn Văn An B, sinh ngày 12/12/2000. Các cháu đã trưởng thành có khả năng lao động, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông V đã giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho ông Nguyễn Thanh V và bà Trịnh Thị Kim Anh được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc ông V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả án phí chia tài sản cho ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng dân sự:

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Trịnh Thị Kim A là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của ông V xin được ly hôn với bà A. Vì ông V cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông và bà A đã ly thân với nhau từ 2016 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay ông V có đơn và kiên quyết xin ly hôn được bà A đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho ông V và bà A được ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu tranh chấp về tài sản chung khi ly hôn.

2.5. Nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Hoàn trả ông V số tiền 9.250.000 đồng án phí chia tài sản chung.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, Điều 217; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 85, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh V với bà Trịnh Thị Kim A.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung.

4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002486 ngày 13/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 9.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002487 ngày 13/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

5. Ông V, bà A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T;
- Chi cục THA.DS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến

